

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hà

2. Bà Đặng Thị Hoàng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa:* Ông Trương Hải Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Lý Bích L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp L (nay là ấp V), xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Đinh Vũ Đ, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp L (nay là ấp V), xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Lý Bích L trình bày:*

Năm 2008, bà và ông Đinh Vũ Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau. Năm 2009 bà và ông Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 04/3/2009. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được 14 năm thì năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên say sỉ. Năm 2022, bà đã từng 02 lần nộp đơn ly hôn tại Tòa, sau đó để cho

ông Đ cơ hội sửa đổi, hàn gắn gia đình, bà đã rút đơn ly hôn nhưng tình cảm gia đình vẫn không thể hàn gắn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Hồ Lý Bích L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Vũ Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đinh Thị Cẩm T, sinh ngày 11/10/2009 và cháu Đinh Minh T1, sinh ngày 28/8/2015. Khi ly hôn, bà L yêu cầu nuôi dưỡng 02 cháu T, T1 và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L trình bày không có.

- Về nợ chung: Bà L trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Đinh Vũ Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông Đ không có ý kiến, đồng thời vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Hồ Lý Bích L có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn bà Hồ Lý Bích L có đơn xin ly hôn với ông Đinh Vũ Đ, sinh năm: 1989, hộ khẩu thường trú: Ấp L (nay là ấp V), xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:*



Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà **Hồ Lý Bích L** tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông **Đinh Vũ Đ** tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Ông **Đ** đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm; bà **L** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, bà và ông **Đinh Vũ Đ** tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau. Năm 2009 bà và ông **Đ** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **M**, tỉnh **Bến Tre**, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 04/3/2009. Như vậy hôn nhân giữa bà **L** và ông **Đ** được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông **Đ** không làm tốt vai trò, trách nhiệm của người chồng để cùng bà **L** chăm lo cuộc sống cho gia đình, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ khó khăn trong gia đình. Năm 2022, bà **L** từng 02 lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2022 và số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ) thì Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà **L** và ông **Đ** có mâu thuẫn trong hôn nhân. Mặt khác tại Công văn số 1249/UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C** xác nhận: “...*Tại thời điểm yêu cầu xác minh, Ủy ban nhân dân xã L không xác minh được thông tin về sự mâu thuẫn giữa bà Hồ Lý Bích L và ông Đinh Vũ Đ. Và hiện tại ông Đinh Vũ Đ và bà Hồ Lý Bích L đã ly thân một thời gian dài (không xác định thời gian cụ thể)*”.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng. Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Hồ Lý Bích L** về việc ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà **L** và ông **Đ** có 02 con chung là cháu **Đinh Thị Cẩm T**, sinh ngày 11/10/2009 và cháu **Đinh Minh T1**, sinh ngày 28/8/2015.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của nguyên đơn bà **Hồ Lý Bích L**, lời trình bày của cháu **Đinh Thị Cẩm T** và cháu **Đinh Minh T1** thể hiện cháu **T**, cháu **T1** có nguyện vọng sống với bà **L**. Bà **L** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu được nuôi con chung của bà **L** là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu **T**, cháu **T1** cho bà **L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà **L** không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **L** trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà **Hồ Lý Bích L** là có căn cứ, lời đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

*[4] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Do bà **Hồ Lý Bích L** là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Hồ Lý Bích L** được ly hôn với ông **Đinh Vũ Đ**.
2. Về quan hệ con chung: Giao cháu **Đinh Thị Cẩm T**, sinh ngày 11/10/2009 và cháu **Đinh Minh T1**, sinh ngày 28/8/2015 cho bà **Hồ Lý Bích L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông **Đinh Vũ Đ** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.



3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Hồ Lý Bích L** không yêu cầu ông **Đình Vũ Đ** cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về nợ chung và tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà **Hồ Lý Bích L** trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí:

Bà **Hồ Lý Bích L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034753 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà **Hồ Lý Bích L** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Phúc**